



**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**  
**Thông tin về Công ty**

**Quyết định thành lập số** 1256/ GP-UB

ngày 16 tháng 6 năm 1994

**Giấy chứng Nhận  
Đăng ký Kinh doanh số** 0100364579

ngày 29 tháng 2 năm 2000

Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh 17 lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 24 tháng 8 năm 2012. Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Vladislavs Savkins  
Ông Võ Văn Mai  
Ông Hoàng Việt Hà  
Ông Tôn Quốc Bình  
Ông Nguyễn Quang Hải  
Ông David Đỗ  
Ông Nguyễn Việt Cường  
Ông Trương Tuấn Lâm  
Ông Chu Hảo  
Ông Phạm Việt Giang  
Bà Võ Hạnh Phúc

Chủ tịch (*từ ngày 19 tháng 4 năm 2012*)  
Thành viên (*đến ngày 18 tháng 4 năm 2012*)  
Chủ tịch (*đến ngày 18 tháng 4 năm 2012*)  
Thành viên (*từ ngày 19 tháng 4 năm 2012*)  
Thành viên (*từ ngày 19 tháng 4 năm 2012*)  
Thành viên  
Thành viên (*từ ngày 19 tháng 4 năm 2012*)  
Thành viên (*từ ngày 19 tháng 4 năm 2012*)  
Thành viên (*từ ngày 19 tháng 4 năm 2012*)  
Thành viên (*từ ngày 19 tháng 4 năm 2012*)  
Thành viên (*từ ngày 19 tháng 4 năm 2012*)  
Thành viên (*từ ngày 19 tháng 4 năm 2012*)  
Thành viên (*từ ngày 19 tháng 4 năm 2012*)

**Ban Giám đốc**

Ông Võ Văn Mai  
Ông Đặng Minh Đức  
Ông Nguyễn Quang Hải  
Ông Phạm Việt Giang

Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
(*từ ngày 1 tháng 6 năm 2012*)  
Phó Tổng Giám đốc  
(*từ ngày 1 tháng 6 năm 2012*)

**Trụ sở đăng ký**

152 Thụy Khuê  
Tây Hồ, Hà Nội  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 43 đã được lập và trình bày để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT (“Công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ chưa hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng này.



Hà Nội, Việt Nam

Ngày: 29 -03- 2013



**KPMG Limited**  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower,  
72 Building, Plot E6, Pham Hung Street,  
Me Tri, Tu Liem, Hanoi city  
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone + 84 (4) 3946 1600  
Fax + 84 (4) 3946 1601  
Internet [www.kpmg.com.vn](http://www.kpmg.com.vn)

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông**  
**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**

### Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT (“Công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 3 năm 2013, được trình bày từ trang 5 đến 43. Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết trình trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ

#### Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Liên quan đến việc đánh giá mức dự phòng giảm giá khoản đầu tư dài hạn của Công ty vào Công ty TNHH HIPT Mobile (“HIPT Mobile”), một công ty con sở hữu 100% bởi Công ty và đã được thanh lý vào ngày 11 tháng 7 năm 2012, báo cáo kiểm toán ngày 30 tháng 3 năm 2012 của chúng tôi đối với các báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ do ảnh hưởng của các điều chỉnh, nếu có, mà có thể được xác định là cần thiết nếu chúng tôi có thể thu thập đầy đủ bằng chứng thích hợp về tính đầy đủ và tính chính xác của khoản mục dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn cho khoản đầu tư vào HIPT Mobile. Do số dư đầu kỳ của dự phòng đầu tư tài chính có ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kiểm toán của chúng tôi cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với các ảnh hưởng của vấn đề nêu trên đối với kết quả kinh doanh của Công ty trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như các ảnh hưởng của chúng tôi so sánh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

## Dự phòng các khoản phải thu khó đòi

Báo cáo kiểm toán ngày 30 tháng 3 năm 2012 của chúng tôi đối với các báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng đưa ra ý kiến ngoại trừ do ảnh hưởng của các điều chỉnh, nếu có, mà có thể được xác định là cần thiết nếu chúng tôi có thể thu thập đầy đủ bằng chứng thích hợp về tính đầy đủ và tính chính xác của việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với khoản phải thu từ HIPT Mobile.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi trị giá 5 tỷ VND cho khoản phải thu trị giá 20 tỷ VND từ HIPT Mobile. Chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán được cho là cần thiết để thu thập được đầy đủ bằng chứng về khả năng thu hồi của khoản phải thu này. Do đó, chúng tôi không thể xác định các điều chỉnh cần thiết đối với các khoản mục dự phòng các khoản phải thu khó đòi, chi phí quản lý doanh nghiệp, thuế thu nhập, lợi nhuận thuần và lợi nhuận chưa phân phối tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng nếu có của các vấn đề trình bày trong phần Cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính chưa hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh chưa hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ chưa hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

#### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 12-02-121-a



Chứng chỉ kiểm toán viên số N.0557/KTV

Wang Tôan Kim

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2013

Trần Hằng Thu  
Chứng chỉ kiểm toán viên số N.0877/KTV

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012**

**Mẫu B 01 – DN**

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2012 VND</b>	<b>31/12/2011 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b>				
(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>387.673.285.213</b>	<b>352.542.988.174</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>109.812.865.231</b>	<b>118.965.996.923</b>
Tiền	111		41.037.313.001	54.064.352.629
Các khoản tương đương tiền	112		68.775.552.230	64.901.644.294
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>12</b>	<b>70.000.000.000</b>	-
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		70.000.000.000	-
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>5</b>	<b>144.845.967.757</b>	<b>198.392.248.170</b>
Phải thu khách hàng	131		69.660.513.346	166.662.407.219
Trả trước cho người bán	132		4.307.911.181	12.356.974.279
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng	134	5	66.604.752.890	6.977.081.600
Các khoản phải thu khác	135	5	14.312.112.892	16.597.371.826
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	30	(10.039.322.552)	(4.201.586.754)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>6</b>	<b>52.013.859.573</b>	<b>30.364.930.223</b>
Hàng tồn kho	141		52.471.172.279	31.149.571.376
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(457.312.706)	(784.641.153)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>11.000.592.652</b>	<b>4.819.812.858</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	5.393.044
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		699.496.992	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	7	10.301.095.660	4.814.419.814

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính riêng này*

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT  
 Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>201.781.854.591</b>	<b>267.136.323.279</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>449.855.400</b>	<b>446.726.400</b>
Phải thu dài hạn khác	218		449.855.400	446.726.400
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>46.725.314.520</b>	<b>48.528.621.761</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	8	43.878.018.332	14.865.339.682
<i>Nguyên giá</i>	222		63.071.350.125	32.527.128.428
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(19.193.331.793)	(17.661.788.746)
Tài sản cố định vô hình	227	9	2.847.296.188	3.071.600.921
<i>Nguyên giá</i>	228		4.348.181.131	4.402.481.131
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.500.884.943)	(1.330.880.210)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	-	30.591.681.158
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>11</b>	<b>21.087.293.299</b>	<b>22.296.592.020</b>
<i>Nguyên giá</i>	241		24.789.857.165	24.789.857.165
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(3.702.563.866)	(2.493.265.145)
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>12</b>	<b>131.175.591.265</b>	<b>191.584.315.938</b>
Đầu tư vào công ty con	251		105.756.570.000	111.623.570.000
Đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh	252		22.750.000.000	22.750.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258		31.312.500.000	77.950.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(28.643.478.735)	(20.739.254.062)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.343.800.107</b>	<b>4.280.067.160</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		1.549.488.512	608.225.112
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	770.698.506	3.567.875.909
Tài sản dài hạn khác	268		23.613.089	103.966.139
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>589.455.139.804</b>	<b>619.679.311.453</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT  
 Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>215.143.402.154</b>	<b>248.136.229.840</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>189.800.268.901</b>	<b>215.618.124.659</b>
Vay ngắn hạn	311	14	3.180.000.000	32.386.894.175
Phải trả người bán	312	15	75.612.475.432	69.618.546.349
Người mua trả tiền trước	313		14.739.060.696	14.649.264.002
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	208.601.541	2.974.441.149
Phải trả người lao động	315		1.559.578.295	759.600.000
Chi phí phải trả	316	17	4.486.035.246	3.610.972.821
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng	318		-	62.757.500
Các khoản phải trả khác	319	18	90.014.517.691	91.555.648.663
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>25.343.133.253</b>	<b>32.518.105.181</b>
Phải trả dài hạn khác	333	19	1.460.342.187	26.696.963.372
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	20	-	1.328.436.192
Dự phòng bảo hành	337	20	911.774.313	550.699.399
Doanh thu chưa thực hiện	338		22.971.016.753	3.942.006.218
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>374.311.737.650</b>	<b>371.543.081.613</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>374.311.737.650</b>	<b>371.543.081.613</b>
Vốn cổ phần	411	22	225.590.300.000	182.187.240.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		136.237.470.000	179.640.530.000
Cổ phiếu quỹ	414	22	(16.891.275.032)	(16.891.275.032)
Quỹ đầu tư phát triển	417	23	12.788.285.298	12.788.285.298
Quỹ dự phòng tài chính	418	23	6.840.705.686	6.840.705.686
Lợi nhuận chưa phân phối	420		9.746.251.698	6.977.595.661
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>589.455.139.804</b>	<b>619.679.311.453</b>

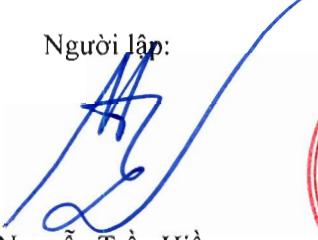
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT  
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN

	31/12/2012	31/12/2011
Ngoại tệ - USD	4.530	20.322

Người lập:  
  
Nguyễn Trần Hiền  
Kế toán trưởng

Người duyệt:  
  
Võ Văn Mai  
Tổng Giám đốc



29 -03- 2013

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT  
 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 02 – DN

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
<b>Tổng doanh thu</b>	01	24	<b>302.551.179.949</b>	<b>425.619.009.286</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	02	24	<b>12.521.416.817</b>	-
<b>Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)</b>	10		<b>290.029.763.132</b>	<b>425.619.009.286</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	11	25	<b>223.972.352.587</b>	<b>376.923.074.834</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	20		<b>66.057.410.545</b>	<b>48.695.934.452</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	14.049.295.661	25.562.324.106
Chi phí tài chính	22	27	17.102.892.535	9.810.245.161
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		846.712.552	2.580.283.077
Chi phí bán hàng	24		15.890.587.527	13.244.823.738
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		44.211.680.586	46.708.033.684
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22) - (24+25)}</b>	30		<b>2.901.545.558</b>	<b>4.495.155.975</b>
Thu nhập khác	31	28	4.813.568.042	4.396.035.559
Chi phí khác	32		939.981.598	1.820.108.886
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	40		<b>3.873.586.444</b>	<b>2.575.926.673</b>
<b>Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	50		<b>6.775.132.002</b>	<b>7.071.082.648</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	51	29	<b>1.237.214.759</b>	<b>823.735.031</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	52	29	<b>2.797.177.403</b>	<b>2.519.292.630</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	60		<b>2.740.739.840</b>	<b>3.728.054.987</b>



29 -03- 2013

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính riêng này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2012 VND</b>	<b>2011 VND</b>
<b>LUU CHUYEN TIEN TUS HOAT DONG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>6.775.132.002</b>	<b>7.071.082.648</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		6.545.851.963	4.132.065.341
Các khoản dự phòng	03		15.599.073.526	490.288.296
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04		(1.958.645)	369.288.277
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05		(74.068.007)	(4.386.842)
Thu nhập tiền lãi	05		(5.473.408.967)	(9.749.711.296)
Thu nhập cổ tức và lợi nhuận chuyển về	05		(8.458.405.572)	(10.862.575.282)
Lỗ từ thanh lý công ty con	05		6.138.270.975	-
Chi phí lãi vay	06		846.712.552	2.580.283.077
<b>Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>21.897.199.827</b>	<b>(5.973.665.781)</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		37.892.893.435	2.083.403.757
Biến động hàng tồn kho	10		(22.221.143.044)	(17.859.353.849)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(822.083.649)	(38.196.761.560)
Biến động chi phí trả trước	12		(935.870.356)	1.237.175.826
			<b>35.810.996.213</b>	<b>(58.709.201.607)</b>
Tiền lãi vay đã trả	13		(846.712.552)	(2.580.283.077)
Thuế thu nhập đã nộp	14		(2.012.241.401)	(10.967.253.941)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(300.531.614)	(4.892.158.428)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>32.651.510.646</b>	<b>(77.148.897.053)</b>
<b>LUU CHUYEN TIEN TUS HOAT DONG DAU TU</b>				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(3.543.292.708)	(6.521.359.116)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		84.114.714	28.195.760
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(27.495.500.000)	(7.366.506.368)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		1.910.000.000	-
Tiền tạm ứng từ một bên thứ ba liên quan đến việc mua khoản đầu tư	26		-	70.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		17.638.516.931	12.095.144.788
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(11.406.161.063)</b>	<b>68.235.475.064</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính riêng này*

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012  
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền chi mua lại cổ phiếu quỹ	32		-	(6.105.014.252)
Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	44.779.234.413	135.035.714.681	
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(73.986.128.588)	(112.321.876.345)	
Tiền trả cổ tức	36	(1.191.587.100)	(24.853.342.960)	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(30.398.481.275)</b>	<b>(8.244.518.876)</b>	
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(9.153.131.692)</b>	<b>(17.157.940.865)</b>	
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>118.965.996.923</b>	<b>136.131.796.211</b>	
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>61</b>		-	<b>(7.858.423)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>109.812.865.231</b>	<b>118.965.996.923</b>	

Người lập:  
  
 Nguyễn Trần Hiền  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:  
  
 S.B.K.KD. 010036  
 CÔNG TY  
 CỔ PHẦN  
 TẬP ĐOÀN  
 HIPT  
 P. MÃY HỒ - Võ Văn Mai  
 Tổng Giám đốc

29 -03- 2013

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính riêng này

# Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT

## Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 – DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

### 1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính của Công ty là cung cấp các dịch vụ và sản phẩm liên quan đến công nghệ thông tin (“CNTT”) như tích hợp hệ thống, phát triển và dịch vụ phần mềm; phân phối các sản phẩm CNTT; bảo dưỡng và bảo trì thiết bị CNTT và hệ thống CNTT.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có 200 nhân viên (31/12/2011: 126 nhân viên).

### 2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

#### (a) Tuyên bố về việc tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

#### (b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

#### (c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

#### (d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

### 3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này.

#### (a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Các khoản đầu tư**

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp đính danh và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	25 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 6 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 năm

**(g) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 25 năm.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 - 8 năm.

**(h) Bất động sản đầu tư**

**(i) Nguyên giá**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban quản lý. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ quyền sử dụng đất	20 năm
▪ nhà cửa	20 năm

(i) **Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

(j) **Giá trị hợp đồng dở dang**

Giá trị hợp đồng dở dang được phản ánh theo giá vốn cộng với lợi nhuận ước tính cho đến thời điểm kết thúc kỳ kế toán trừ đi dự phòng lỗ dự kiến. Giá vốn phản ánh các khoản chi phí liên quan trực tiếp và có thể tính vào giá thành theo hợp đồng. Khoản chênh lệch của giá trị hợp đồng cơ bản dở dang cao hơn hoặc thấp hơn so với thanh toán theo tiến độ kế hoạch và tạm ứng từ khách hàng được thể hiện là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng.

(k) **Chi phí trả trước dài hạn**

*Công cụ và dụng cụ*

Công cụ và dụng cụ được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 15 đến 24 tháng.

(l) **Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(m) **Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(i) **Chi phí bảo hành**

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và dịch vụ đã cung cấp trong ba năm gần nhất. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

(ii) **Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

(n) **Phân loại các công cụ tài chính**

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) **Tài sản tài chính**

*Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi nhuận; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

*Tài sản sẵn sàng để bán*

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

**(ii) Nợ phải trả tài chính**

*Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
  - được tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính nêu trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**(o) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(p) Doanh thu**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

**(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ tích hợp hệ thống, phát triển và dịch vụ phần mềm ứng dụng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành được xác định dựa trên khối lượng công việc thực hiện bao gồm tiến độ thực tế, thời gian làm việc hay tỷ lệ chi phí đã phát sinh trên tổng chi phí ước tính. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Doanh thu từ các dịch vụ bảo hành thiết bị CNTT và bảo trì hệ thống được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn cung cấp dịch vụ.

**(iii) Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

**(iv) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(r) Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản cố định này.

**(s) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là buôn bán và cung cấp các sản phẩm và dịch vụ về CNTT tại một vùng địa lý duy nhất là Việt Nam với các điều kiện kinh tế, chính trị và các quy định như nhau.

**(t) Các bên liên quan**

Các bên liên quan bao gồm các cổ đông, các công ty con của Công ty và các bên khác theo quy định của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam.

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2012</b> VND	<b>31/12/2011</b> VND
Tiền mặt	173.283.124	325.879.079
Tiền gửi ngân hàng	40.864.029.877	53.738.473.550
Các khoản tương đương tiền	68.775.552.230	64.901.644.294
	<hr/>	<hr/>
	109.812.865.231	118.965.996.923
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

## 5. Các khoản phải thu ngắn hạn

Bao gồm trong các khoản phải thu có các khoản phải thu từ các công ty liên quan sau:

	<b>31/12/2012</b> VND	<b>31/12/2011</b> VND
<b>Phải thu từ các công ty liên quan</b>		
Thương mại	30.504.980.057	36.921.189.973
Phi thương mại	10.921.995.469	8.264.879.392

Các khoản phải thu thương mại và phi thương mại từ công ty liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thể thu được khi có nhu cầu.

Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng và các khoản tạm ứng của khách hàng bao gồm:

	<b>31/12/2012</b> VND	<b>31/12/2011</b> VND
<b>Doanh thu lũy kế theo hợp đồng ghi nhận tại thời điểm</b>		
đầu năm	6.977.081.600	3.151.250.000
Doanh thu theo hợp đồng ghi nhận trong năm	77.592.949.576	31.098.185.227
<b>Doanh thu lũy kế theo hợp đồng ghi nhận tại thời điểm</b>		
cuối năm	84.570.031.176	34.249.435.227
Hóa đơn phát hành theo tiến độ và các khoản tạm ứng	(17.965.278.286)	(27.272.353.627)
<b>66.604.752.890</b>		
<b>6.977.081.600</b>		

Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	<b>31/12/2012</b> VND	<b>31/12/2011</b> VND
<b>Phải thu các khoản cho nhân viên vay</b>		
Cố tức phải thu từ các công ty liên quan	1.794.390.954	4.072.668.326
Phải thu khác từ các bên liên quan	-	3.706.702.392
Các khoản tạm ứng cho công ty con	6.907.651.142	2.308.177.000
Phải thu ngắn hạn khác	2.460.552.000	2.250.000.000
	3.149.518.796	4.259.824.108
<b>14.312.112.892</b>		
<b>16.597.371.826</b>		

Các khoản phải thu ngắn hạn khác từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thể thu được khi có nhu cầu.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

## 6. Hàng tồn kho

	<b>31/12/2012</b> VND	<b>31/12/2011</b> VND
Hàng mua đang đi đường	1.349.160.776	3.957.320.000
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	16.233.283.934	5.172.788.642
Hàng hóa	34.616.238.345	20.896.199.517
Hàng gửi đi bán	272.489.224	1.123.263.217
	<hr/>	<hr/>
	52.471.172.279	31.149.571.376
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(457.312.706)	(784.641.153)
	<hr/>	<hr/>
	52.013.859.573	30.364.930.223
	<hr/>	<hr/>

Bao gồm trong hàng hóa tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 có 457 triệu VND (31/12/2011: 2.813 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho là như sau:

	<b>2012</b> VND	<b>2011</b> VND
Số dư đầu năm	784.641.153	1.096.463.812
Tăng dự phòng trong năm	74.838.464	-
Sử dụng dự phòng trong năm	(330.577.211)	(311.822.659)
Hoàn nhập	(71.589.700)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	457.312.706	784.641.153
	<hr/>	<hr/>

## 7. Tài sản ngắn hạn khác

	<b>31/12/2012</b> VND	<b>31/12/2011</b> VND
Tạm ứng cho nhân viên thực hiện hợp đồng	9.731.711.760	4.130.700.754
Đặt cọc mở thư tín dụng	569.383.900	683.719.060
	<hr/>	<hr/>
	10.301.095.660	4.814.419.814
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT  
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

## 8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Thiết bị văn phòng VND	Máy móc và thiết bị VND	Phuong tiện vận chuyển VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	10.550.268.696	17.808.090.919	4.121.532.813	47.236.000	32.527.128.428
Tăng trong năm	-	3.304.798.482	-	294.294.226	3.599.092.708
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 10)	30.299.236.100	222.445.058 (24.678.262) (3.531.848.907)	-	-	30.521.681.158 (24.678.262) (3.531.873.907)
Thanh lý	-	-	-	(20.025.000)	-
Xóa sổ	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	40.849.504.796	17.778.807.290	4.121.532.813	321.505.226	63.071.350.125
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	2.954.075.220	11.056.857.390 2.315.993.549	3.606.341.230 515.191.583 (14.631.555) (3.531.848.907)	44.514.906 14.983.354 -	17.661.788.746 5.098.048.509 (14.631.555) (3.531.873.907)
Khấu hao trong năm	2.251.880.023	-	-	(20.025.000)	-
Thanh lý	-	-	-	-	-
Xóa sổ	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	5.205.955.243	9.826.370.477	4.121.532.813	39.473.260	19.193.331.793
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	7.596.193.476	6.751.233.529	515.191.583	2.721.094	14.865.339.682
Số dư cuối năm	35.643.549.553	7.952.436.813	-	282.031.966	43.878.018.332

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 có 23.371 triệu VND liên quan đến khu nhà thấp tầng tại cùng địa chỉ với Công ty. Việc xây dựng khu nhà này một phần do các cá nhân tài trợ với số tiền là 25.349 triệu VND (Thuyết minh 19). Việc xây dựng khu nhà này đã hoàn thành tuy nhiên Công ty và các cá nhân liên quan vẫn chưa thỏa thuận xong về quyền sở hữu khu nhà và các nghĩa vụ tài chính của các bên. Trong năm, Công ty đã thực hiện kết chuyển tài sản này từ Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sang Tài sản cố định hữu hình và bắt đầu thực hiện trích khấu hao theo kết luận của Đoàn thanh tra Cục thuế Thành phố Hà Nội ngày 12 tháng 10 năm 2012.

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là một số tài sản với nguyên giá 9.386 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2011: 8.140 triệu VND).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**9. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	3.926.442.619	476.038.512	4.402.481.131
Tăng trong năm	-	14.200.000	14.200.000
Xóa sổ	-	(68.500.000)	(68.500.000)
Số dư cuối năm	3.926.442.619	421.738.512	4.348.181.131
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	1.099.403.937	231.476.273	1.330.880.210
Khấu hao trong năm	157.057.699	81.447.034	238.504.733
Xóa sổ	-	(68.500.000)	(68.500.000)
Số dư cuối năm	1.256.461.636	244.423.307	1.500.884.943
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	2.827.038.682	244.562.239	3.071.600.921
Số dư cuối năm	2.669.980.983	177.315.205	2.847.296.188

**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2012 VND</b>	<b>2011 VND</b>
Số dư đầu năm	30.591.681.158	24.491.681.158
Tăng trong năm	-	6.100.000.000
Chuyển sang các tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 8)	(30.521.681.158)	-
Xóa sổ	(70.000.000)	-
Số dư cuối năm	-	30.591.681.158

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

## 11. Bất động sản đầu tư

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Nhà cửa VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm và cuối năm	22.122.085.200	2.667.771.965	24.789.857.165
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	2.212.208.520	281.056.625	2.493.265.145
Khấu hao trong năm	1.106.104.260	103.194.461	1.209.298.721
Số dư cuối năm	3.318.312.780	384.251.086	3.702.563.866
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	19.909.876.680	2.386.715.340	22.296.592.020
Số dư cuối năm	18.803.772.420	2.283.520.879	21.087.293.299

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, bất động sản đầu tư liên quan đến một mảnh đất chưa sử dụng tại Đà Nẵng và nhà cửa trên mảnh đất đó mà đang được nắm giữ để cho thuê và chờ tăng giá.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư không được xác định bởi vì Công ty chưa thực hiện việc xác định giá trị hợp lý.

## 12. Các khoản đầu tư tài chính

	<b>31/12/2012 VND</b>	<b>31/12/2011 VND</b>
Đầu tư vốn dài hạn tại:		
▪ các công ty con	105.756.570.000	111.623.570.000
▪ các công ty liên kết, liên doanh	22.750.000.000	22.750.000.000
▪ các đơn vị khác	31.312.500.000	77.950.000.000
	159.819.070.000	212.323.570.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(28.643.478.735)	(20.739.254.062)
	131.175.591.265	191.584.315.938

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con như sau:

Tên công ty	Số dư tại		% sở hữu	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Tin học HIPT	20.763.000.000	16.630.000.000	100%	100%
Công ty TNHH HIPT Mobile (*)	-	10.000.000.000	-	100%
Công ty TNHH Dịch vụ Đầu tư HIPT	10.000.000.000	10.000.000.000	100%	100%
Công ty TNHH Giải pháp Ngân hàng và Tài chính HIPT	2.000.000.000	2.000.000.000	100%	100%
Công ty TNHH Giải pháp và Tư vấn Công nghệ HIPT (“HISC”)	50.000.000.000	50.000.000.000	100%	100%
Công ty Cổ phần Phát triển Nguồn Nhân lực Chân trời mới Hà Nội	2.293.570.000	2.293.570.000	78%	78%
Công ty TNHH MTV HIPT Sài Gòn	10.700.000.000	10.700.000.000	100%	100%
Công ty TNHH Hệ thống Dịch vụ Công nghệ HIPT	10.000.000.000	10.000.000.000	100%	100%
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	105.756.570.000	111.623.570.000		
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

Các công ty con này, ngoại trừ Công ty TNHH MTV HIPT Sài Gòn, có cùng địa chỉ với Công ty tại 152 Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Hà Nội, Việt Nam. Công ty TNHH MTV HIPT Sài Gòn có địa chỉ tại 36 Bùi Thị Xuân, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty có một công ty con cấp 2 là Công ty Cổ phần Năng lượng Công nghệ cao, một công ty con có 55% vốn sở hữu thuộc về Công ty TNHH Dịch vụ Đầu tư HIPT.

(\*) Ngày 11 tháng 7 năm 2012, Công ty TNHH HIPT Mobile đã bị thanh lý cho một bên thứ ba.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết như sau:

<b>Tên Công ty</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Tại 31/12/2012 và 31/12/2011</b>	
		<b>Số dư</b>	<b>% sở hữu</b>
Công ty Cổ phần Đội Công nghệ 3D Hà Nội	Tầng 2, Căn hộ F, 28 Xuân La, Phường Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội	2.500.000.000	25%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ nghệ Hàng không Việt	152 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội, Việt Nam	2.500.000.000	35%
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Lam Hồng	2 Vũ Quang, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam	800.000.000	26%
Công ty TNHH Giải pháp HIMC	152 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội, Việt Nam	3.200.000.000	32%
Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Hàng không	Tòa nhà Arimex, 414 Nguyễn Văn Cừ, Long Biên, Hà Nội, Việt Nam	12.000.000.000	20%
Thời báo Doanh nhân	64 Tây Hồ, Thụy Khuê, Hà Nội, Việt Nam	1.750.000.000	50%
		22.750.000.000	

Chi tiết các khoản đầu tư vào các đơn vị khác như sau:

	<b>31/12/2012 VND</b>	<b>31/12/2011 VND</b>
Ngân hàng TMCP Bảo Việt (a)	2.000.000.000	72.000.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Di động trực tuyến M-Service	8.312.500.000	5.950.000.000
Công ty Cổ phần Ví Việt	21.000.000.000	-
	31.312.500.000	77.950.000.000

- (a) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, bao gồm 200.000 cổ phiếu mệnh giá 10.000 VND một cổ phần, trong đó 80.000 cổ phiếu trị giá 800 triệu VND là đầu tư bằng nguồn vốn đầu tư ủy thác nhận từ các cá nhân (Thuyết minh 19).

Tháng 1 năm 2011, Công ty ký kết một thỏa thuận chuyển nhượng 7.000.000 cổ phần tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt cho một bên thứ ba với giá 10.000 VND một cổ phần. Theo đó, ngày 17 tháng 1 năm 2011, Công ty nhận được một khoản thanh toán trị giá 70.000 triệu VND như một sự đảm bảo cho việc chuyển nhượng quyền sở hữu cổ phần. Theo Thỏa thuận chuyển nhượng cổ phiếu, việc chuyển nhượng cổ phiếu sẽ được diễn ra muộn nhất vào ngày 11 tháng 12 năm 2013. Nguồn vốn ủy thác cho số cổ phiếu tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt trị giá 70.000 triệu VND được ghi nhận là đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và được phân loại lại là đầu tư tài chính ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012. Công ty ghi nhận khoản tạm ứng vào khoản mục phải trả khác (xem Thuyết minh 18).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

	<b>31/12/2012</b>		<b>31/12/2011</b>	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
<b>Đầu tư ngắn hạn:</b>				
▪ Cổ phiếu tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt (a)	7.000.000	70.000.000.000	-	-

Biên động dự phòng giảm giá đầu tư trong năm như sau:

	<b>2012</b>	<b>2011</b>
	VND	VND
Số dư đầu năm	20.739.254.062	16.968.896.370
Tăng dự phòng trong năm	10.646.394.224	4.131.537.991
Hoàn nhập	(790.440.526)	(361.180.299)
Sử dụng (b)	(1.951.729.025)	-
 Số dư cuối năm	 28.643.478.735	 20.739.254.062

Khoản dự phòng giảm giá trị giá 28.643 triệu VND được ghi nhận chủ yếu đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn vào các công ty con do các công ty con phát sinh các khoản lỗ đáng kể. Công ty không nắm giữ tài sản tài sản đảm bảo nào liên quan đến các khoản đầu tư này.

- (b) Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn sử dụng trong năm thể hiện số dự phòng đã trích lập cho Công ty TNHH HIPT Mobile, một công ty con của Công ty đã được thanh lý cho một bên thứ 3 tại ngày 11 tháng 7 năm 2012.

### **13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	<b>31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	VND	VND
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:</b>		
▪ Doanh thu chưa thực hiện	770.698.506	3.475.533.839
▪ Các khoản dự phòng	-	83.123.506
▪ Các khoản mục khác	-	9.218.564
 770.698.506	 3.567.875.909	

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

#### **14. Vay ngắn hạn**

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất danh nghĩa (năm)</b>	<b>31/12/2012 VND</b>	<b>31/12/2011 VND</b>
Vay ngắn hạn				
▪ Khoản vay từ ngân hàng (*)	USD	5,6%	-	28.256.894.175
▪ Khoản vay từ công ty con – không đảm bảo	VND	0%	3.180.000.000	4.130.000.000
			3.180.000.000	32.386.894.175

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, các khoản vay từ ngân hàng được đảm bảo bằng các khoản phải thu của Công ty trị giá 38.500 triệu VND.

#### **15. Phải trả người bán**

Bao gồm trong phải trả người bán có các khoản phải trả các bên liên quan như sau:

	<b>31/12/2012 VND</b>	<b>31/12/2011 VND</b>
Phải trả các công ty liên quan	44.609.617.162	37.826.924.747

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả theo yêu cầu.

#### **16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>31/12/2012 VND</b>	<b>31/12/2011 VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	40.468.933	1.927.674.916
Thuế xuất nhập khẩu	20.828	148.403.319
Thuế thu nhập doanh nghiệp	48.708.389	823.735.031
Thuế thu nhập cá nhân	103.817.735	53.765.848
Thuế khác	15.585.656	20.862.035
	208.601.541	2.974.441.149

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**17. Chi phí phải trả**

	<b>31/12/2012 VND</b>	<b>31/12/2011 VND</b>
Chi phí phải trả thực hiện hợp đồng	4.486.035.246	3.610.972.821

**18. Các khoản phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2012 VND</b>	<b>31/12/2011 VND</b>
Doanh thu chưa thực hiện	4.594.478.767	10.838.550.361
Tạm ứng từ một bên thứ ba liên quan đến việc mua cổ phần tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt (Thuyết minh 12) Cổ tức phải trả	70.000.000.000	70.000.000.000
Phải trả khác cho các công ty liên quan	14.162.459.662	8.737.711.698
Các khoản phải trả khác	1.257.579.262	787.799.504
	<hr/>	<hr/>
	90.014.517.691	91.555.648.663

Khoản phải trả ngắn hạn khác đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả theo yêu cầu.

**19. Phải trả dài hạn khác**

	<b>31/12/2012 VND</b>	<b>31/12/2011 VND</b>
Tiền nhận được liên quan đến việc xây dựng Khu nhà 152 Thụy Khuê (a)	-	25.348.588.372
Nguồn vốn đầu tư ủy thác cho khoản đầu tư vào Ngân hàng TMCP Bảo Việt (Thuyết minh 12)	800.000.000	800.000.000
Phải trả dài hạn khác	660.342.187	548.375.000
	<hr/>	<hr/>
	1.460.342.187	26.696.963.372

- (a) Theo kết luận của Đoàn thanh tra Cục thuế Thành phố Hà Nội ngày 12 tháng 10 năm 2012, Công ty đã kết chuyển số tiền nhận được từ các cá nhân liên quan đến việc xây dựng Khu nhà 152 Thụy Khuê (Thuyết minh 8) sang tài khoản Doanh thu chưa thực hiện – dài hạn, và phân bổ vào doanh thu cho thuê theo thời hạn thuê đất của khu nhà thấp tầng này là 18 năm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, số dư chưa phân bổ của khoản doanh thu chưa thực hiện dài hạn này là 22.971 triệu VND.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**20. Các khoản dự phòng**

Biến động của các khoản dự phòng trong năm:

	<b>Bảo hành VND</b>	<b>Trợ cấp thôi việc VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Số dư đầu năm	550.699.399	1.328.436.192	1.879.135.591
Tăng dự phòng trong năm	930.039.844	-	930.039.844
Dự phòng sử dụng trong năm	(568.964.930)	(300.531.614)	(869.496.544)
Hoàn nhập	-	(1.027.904.578)	(1.027.904.578)
 Số dư cuối năm	 911.774.313	 -	 911.774.313

Công ty đã kết chuyển số dư quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 sang tài khoản thu nhập khác theo quy định của Thông tư 180/2012/TT-BTC ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính.

Trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã đóng 146 triệu VND (2011: 127 triệu VND) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận vào chi phí nhân công trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT  
Thuỷết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

**21. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quý VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011</b>	182.187.240.000	179.640.530.000	(10.786.260.780)	12.788.285.298	12.261.618.477	23.873.557.943	399.964.970.938
Mua lại cổ phiếu quý	-	-	(6.105.014.252)	-	-	-	(6.105.014.252)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	3.728.054.987	3.728.054.987
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	(5.420.912.791)	5.420.912.791	-
Cổ tức (Thuỷết minh 31)	-	-	-	-	-	(26.044.930.060)	(26.044.930.060)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011</b>	182.187.240.000	179.640.530.000	(16.891.275.032)	12.788.285.298	6.840.705.686	6.977.595.661	371.543.081.613
Phát hành cổ phiếu	43.403.060.000	(43.403.060.000)	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	2.740.739.840	2.740.739.840
Biến động khác	-	-	-	-	-	27.916.197	27.916.197
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012</b>	225.590.300.000	136.237.470.000	(16.891.275.032)	12.788.285.298	6.840.705.686	9.746.251.698	374.311.737.650

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

## 22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	<b>31/12/2011</b>	<b>31/12/2011</b>		
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	22.559.030	225.590.300.000	18.614.336	186.143.360.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	22.559.030	225.590.300.000	18.218.724	182.187.240.000
<b>Cổ phiếu quỹ</b>				
Cổ phiếu phổ thông	856.433	16.891.275.032	856.433	16.891.275.032
<b>Số cổ phiếu hiện đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	21.702.597	208.699.024.968	17.362.291	165.295.964.968

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	<b>2012</b>	<b>2011</b>		
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	17.362.291	165.295.964.968	17.660.126	171.400.979.220
Cổ phiếu phát hành trong năm (*)	4.340.306	43.403.060.000	-	-
Cổ phiếu quỹ mua lại trong năm	-	-	(297.835)	(6.105.014.252)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>21.702.597</b>	<b>208.699.024.968</b>	<b>17.362.291</b>	<b>165.295.964.968</b>

(\*) Ngày 14 tháng 4 năm 2012, Đại hội đồng cổ đông họp và phê duyệt phát hành cổ phiếu thường trong năm 2012 theo tỷ lệ 4:1, cụ thể, cổ đông được nhận một cổ phiếu trên mỗi bốn cổ phiếu nắm giữ tại thời điểm chốt quyền.

## 23. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

### (a) Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông. Các quỹ này được thành lập cho mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh trong tương lai.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**(b) Quỹ dự phòng tài chính**

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông. Các quỹ này được thành lập để bảo vệ Công ty trước các rủi ro tài chính và các rủi ro khác.

**24. Doanh thu**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp được ghi trên hóa đơn không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	<b>2012</b> VND	<b>2011</b> VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	205.570.070.015	363.356.116.128
▪ Cung cấp dịch vụ	90.108.035.554	53.343.667.490
▪ Cho thuê	6.873.074.380	8.919.225.668
	302.551.179.949	425.619.009.286
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(1.040.030.000)	-
▪ Hàng bán bị trả lại	(11.481.386.817)	-
	(12.521.416.817)	-
Doanh thu thuần	290.029.763.132	425.619.009.286

**25. Giá vốn hàng bán**

	<b>2012</b> VND	<b>2011</b> VND
Tổng giá vốn hàng bán của		
▪ Hàng hóa đã bán	165.669.907.043	324.212.498.652
▪ Dịch vụ đã cung ứng	57.086.589.792	50.481.570.569
▪ Cho thuê	1.212.606.988	2.540.828.272
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	3.248.764	(311.822.659)
	223.972.352.587	376.923.074.834

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**26. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2012</b> VND	<b>2011</b> VND
Lãi tiền gửi	5.473.408.967	9.749.711.296
Cỗ tức	8.458.405.572	10.862.575.282
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	117.481.122	4.950.037.528
	14.049.295.661	25.562.324.106

**27. Chi phí tài chính**

	<b>2012</b> VND	<b>2011</b> VND
Chi phí lãi vay	846.712.552	2.580.283.077
Lỗ do thanh lý Công ty TNHH HIPT Mobile	6.138.270.975	-
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	9.855.953.698	3.770.357.692
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	261.955.310	3.459.604.392
	17.102.892.535	9.810.245.161

**28. Thu nhập khác**

	<b>2012</b> VND	<b>2011</b> VND
Giảm giá của nhà cung cấp	4.178.452.044	4.367.830.999
Thu từ thanh lý tài sản cố định	84.114.714	28.195.760
Thu nhập khác	551.001.284	8.800
	4.813.568.042	4.396.035.559

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**29. Thuế thu nhập**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>2012</b> <b>VND</b>	<b>2011</b> <b>VND</b>
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện hành	48.708.389	823.735.031
Dự phòng thiêu trong năm trước	1.188.506.370	-
	1.237.214.759	823.735.031
<b>Lợi ích thuế thu nhập hoàn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	2.797.177.403	2.519.292.630
	4.034.392.162	3.343.027.661

**(b) Đổi chiêu thuế suất thực tế**

	<b>2012</b> <b>VND</b>	<b>2011</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận trước thuế	6.775.132.002	7.071.082.648
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	1.693.783.001	1.767.770.662
Chi phí không được khấu trừ thuế	2.376.149.650	4.290.900.819
Thu nhập không bị tính thuế	(2.109.928.103)	(2.715.643.820)
Điều chỉnh chênh lệch tạm thời trong năm trước	885.881.244	-
Dự phòng thiêu trong năm trước	1.188.506.370	-
	4.034.392.162	3.343.027.661

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**(c) Thuế suất áp dụng**

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Ngân sách thuế thu nhập bằng 25% trên lợi nhuận tính thuế.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

## **30. Các công cụ tài chính**

### **(a) Quản lý rủi ro tài chính**

#### *(i) Tổng quan*

Các loại rủi ro tài chính mà Công ty dễ gặp phải khi sử dụng các công cụ tài chính của mình là:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng quản trị của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của chính sách quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

#### *(ii) Chính sách quản lý rủi ro*

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

### **(b) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và các khoản tiền gửi tại ngân hàng.

#### *Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng*

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	(i)	109.639.582.107	118.640.117.844
Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	(ii)	73.933.303.686	179.058.192.291
		183.572.885.793	297.698.310.135

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**(i) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền gửi ngân hàng của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

**(ii) Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác**

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa gắn liền với các khoản phải thu này.

Rủi ro tín dụng của Công ty liên quan đến khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, ban Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 30 tới 45 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá hạn được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm. Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu liên quan đến nhiều khách hàng không có lịch sử vi phạm về việc trả nợ trong thời gian gần đây. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Tuổi nợ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác đã quá hạn nhưng không giảm giá tại thời điểm cuối năm như sau:

	<b>31/12/2012</b> VND	<b>31/12/2011</b> VND
Quá hạn từ 6 tháng đến 1 năm	10.168.659.821	20.867.055.986

Biến động trong năm của dự phòng phải thu khó đòi là như sau:

	<b>2012</b> VND	<b>2011</b> VND
Số dư đầu năm	4.201.586.754	9.275.067.928
Tăng dự phòng trong năm	5.837.735.798	694.934.508
Sử dụng dự phòng	-	(3.446.702.402)
Xóa sổ	-	(2.321.713.280)
 Số dư cuối năm	 10.039.322.552	 4.201.586.754

**(c) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

Tại ngày lập báo cáo, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	<b>Giá trị ghi sổ VND</b>	<b>Dòng tiền theo hợp đồng VND</b>	<b>Trong vòng 1 năm VND</b>
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012</b>			
Vay ngắn hạn	3.180.000.000	3.180.000.000	3.180.000.000
Các khoản nợ tài chính ngắn hạn khác	95.518.549.602	95.518.549.602	95.518.549.602
<hr/>			
	<b>98.698.549.602</b>	<b>98.698.549.602</b>	<b>98.698.549.602</b>
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011</b>			
Vay ngắn hạn	32.386.894.175	33.233.606.727	33.233.606.727
Các khoản nợ tài chính ngắn hạn khác	83.946.617.472	83.946.617.472	83.946.617.472
<hr/>			
	<b>116.333.511.647</b>	<b>117.180.224.199</b>	<b>117.180.224.199</b>

**(d) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

**(i) Rủi ro tỷ giá**

Công ty có rủi ro tỷ giá từ các giao dịch mua, bán và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (USD).

Rủi ro tiền tệ của Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tiền tệ ngắn hạn vượt mức cho phép.

*Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá*

Công ty có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá như sau:

	<b>31/12/2012</b> <b>USD</b>	<b>31/12/2011</b> <b>USD</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.530	20.322
Phải thu khách hàng	1.051	-
Phải trả người bán	(335.487)	(409.518)
Vay ngắn hạn	-	(1.356.678)
<hr/>		
	<b>(329.906)</b>	<b>(1.745.874)</b>



**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Công ty áp dụng:

	<b>Tỷ giá hối đoái tại ngày 31/12/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
VND/USD	20.824	20.828

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày báo cáo. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	<b>Ảnh hưởng trên lợi nhuận thuần VND</b>
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012</b> USD (mạnh thêm 2% so với VND)	(103.049.438)
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011</b> USD (mạnh thêm 6,25% so với VND)	(1.704.518.610)

Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần của Công ty.

**(ii) Rủi ro lãi suất**

Công ty không nắm giữ các công cụ tài chính nào có lãi suất thả nổi tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và 31 tháng 12 năm 2011. Do vậy, Công ty không chịu ảnh hưởng bởi những bất ổn tiềm tàng của lãi suất.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**(e) Giá trị hợp lý**

**(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ**

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	<b>31/12/2012</b>		<b>31/12/2011</b>	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:</b>				
- Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu	30.512.500.000	(*)	7.150.000.000	(*)
<b>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</b>				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	109.812.865.231	(*)	118.965.996.923	(*)
- Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	75.244.716.986	(*)	179.504.918.691	(*)
<b>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</b>				
- Các khoản phải trả người bán và phải trả khác	(95.518.549.602)	(*)	(83.946.617.472)	(*)
- Các khoản vay	(3.180.000.000)	(*)	(32.386.894.175)	(*)
	86.359.032.615	(*)	182.137.403.967	(*)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, 70.800 triệu VND đầu tư vào cổ phần của Ngân hàng TMCP Bảo Việt (Thuyết minh 12) được mua và nắm giữ như các khoản ủy thác đầu tư cho các bên khác. Do đó, 70.800 triệu VND ghi nhận là tài sản và 70.800 triệu VND tương ứng ghi nhận là phải trả khác và phải trả dài hạn không bao gồm trong phân tích trên.

**(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý**

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này để phục vụ mục đích thuyết minh thông tin phù hợp với Điều 28 của Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính vì (i) không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động cho các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này; và (ii) các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về xác định giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

## Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

### 31. Cổ tức

Trong năm 2012, các cổ đông của Công ty đã quyết định không phân phối cổ tức, thay vào đó Công ty phát hành cổ phiếu thường từ thặng dư vốn cổ phần cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ mỗi bốn cổ phiếu đang nắm giữ cổ đông được nhận một cổ phiếu thường (Thuyết minh 22)

Vào ngày 27 tháng 4 năm 2011, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 26.044 triệu VND (1.500 VND/cổ phiếu), trong đó 24.853 triệu VND đã được thanh toán cho các cổ đông trong năm 2011.

### 32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các giao dịch với các bên liên quan được nêu trong các thuyết minh khác của các báo cáo tài chính, Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2012 VND	2011 VND
<b>Các công ty liên quan</b>		
<b>Công ty TNHH Giải pháp và Tư vấn Công nghệ HIPT</b>		
Bán hàng hóa	470.764.408	2.977.651.635
Mua hàng hóa và dịch vụ	35.010.645.022	39.780.881.641
Lãi chuyền từ công ty con	784.048.174	3.309.503.967
Thưởng hiệu quả hoạt động	3.473.540.000	6.900.000.000
Nhập khẩu ủy thác cho công ty con	10.028.121.435	-
Vay ngắn hạn từ công ty con	-	28.000.000.000
<b>Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Tin học HIPT</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	21.550.259	1.149.576.911
Mua hàng hóa và dịch vụ	13.981.805.595	27.171.136.364
Thưởng hiệu quả hoạt động	404.822.348	3.231.220.000
Nhập khẩu ủy thác cho công ty con	518.325.816	-
Vay ngắn hạn từ công ty con	-	6.500.000.000
Góp vốn bằng tiền mặt	4.133.000.000	1.000.000.000
<b>Công ty TNHH MTV HIPT Sài Gòn</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	1.463.389.788	12.287.888.264
Mua hàng hóa và dịch vụ	3.918.147.933	15.461.481.783
Thưởng hiệu quả hoạt động	588.292.421	-
Góp vốn bằng tiền mặt	-	1.400.000.000
<b>Công ty TNHH Dịch vụ Đầu tư HIPT</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	3.773.818.182	7.547.636.362
Mua hàng hóa và dịch vụ	2.099.011.790	4.280.630.614
Vay ngắn hạn từ công ty con	-	2.000.000.000
<b>Công ty TNHH Hệ thống dịch vụ công nghệ HIPT</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	63.355.659	2.330.409.569
Mua hàng hóa và dịch vụ	930.253.710	1.194.838.491
Nhập khẩu ủy thác cho công ty con	4.003.722.590	-

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

	<b>2012</b> <b>VND</b>	<b>2011</b> <b>VND</b>
<b>Công ty TNHH Giải pháp Ngân hàng và Tài chính HIPT</b>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	22.291.669.469	-
Lãi chuyên từ công ty con	5.155.947.559	-
<b>Công ty TNHH HIPT Mobile (từ 1/1/2012 đến 11/7/2012)</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	4.799.618.784	37.986.357.277
<b>Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Hàng không</b>		
Cổ tức	1.467.236.813	2.243.949.720
<b>Thành viên Ban Giám đốc</b>		
Lương và thưởng	2.593.550.000	3.093.322.388
Các khoản cho vay các thành viên Ban Giám đốc	789.640.706	1.550.817.256
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị</b>		
Lương và thưởng	-	484.382.200
Các khoản cho vay các thành viên Hội đồng quản trị	-	1.017.600.000

### **33. Cam kết**

#### **(i) Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

	<b>31/12/2012</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2011</b> <b>VND</b>
Trong vòng một năm	5.593.205.376	5.869.371.746
Trong vòng hai đến năm năm	1.753.092.000	2.155.698.000
	7.346.297.376	8.025.069.746

#### **(ii) Cam kết góp vốn**

Tại ngày báo cáo, Công ty có cam kết góp vốn tại Công ty Cổ phần Ví Việt như sau:

	<b>31/12/2012</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2011</b> <b>VND</b>
Trong vòng một năm	21.000.000.000	21.000.000.000
Trong vòng hai đến năm năm	42.000.000.000	63.000.000.000
	63.000.000.000	84.000.000.000

Sau ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty góp thêm 21.000 triệu VND vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Ví Việt theo tiến độ góp vốn.

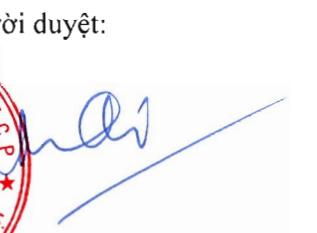
Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT  
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

34. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2012 VND	2011 VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	228.644.371.797	373.089.732.421
Chi phí nhân công	28.351.617.556	24.722.242.798
Chi phí khấu hao	6.545.851.963	4.132.065.341
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.576.217.291	28.037.795.012
Chi phí khác	8.896.543.691	8.714.205.570

Người lập:  
  
Nguyễn Trần Hiền  
Kế toán trưởng

Người duyệt:  
  
Võ Văn Mai  
Tổng Giám đốc



29 -03- 2013